



## Bài báo nghiên cứu

# TÍCH HỢP THỂ LOẠI VÀ DIỄN NGÔN THÔNG TIN TƯ LIỆU TRONG VĂN CHÍNH LUẬN NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH

*Phạm Thị Như Thúy*

*Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Phạm Thị Như Thúy – Email: [thuynhu7768@gmail.com](mailto:thuynhu7768@gmail.com)*

*Ngày nhận bài: 22-3-2023; ngày nhận bài sửa: 05-6-2023; ngày duyệt đăng: 19-6-2023*

## TÓM TẮT

*Bài viết nhận diện dòng văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh được đặt trong tương quan dòng văn chính luận, nghị luận, hành chính, chức năng phi hư cấu dưới thời trung đại và quá trình hiện đại hóa trong thế kỉ XX. Tiếp thu cội nguồn văn hóa - văn học truyền thống và khởi đầu văn nghiệp và văn chính luận từ chính nước Pháp, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã phản ánh cuộc đấu tranh cách mạng trong văn chính luận từ phương Tây về Việt Nam, từ phong trào giải phóng dân tộc thế giới để vận dụng sáng tạo trong đấu tranh bảo vệ tổ quốc và xây dựng đất nước. Tính tương hợp giữa ngôn từ nghệ thuật với hệ thống chủ đề phong phú, nhan đề biểu cảm, sắc thái ngôn ngữ văn bản đa dạng đều thể hiện tầm cao tư tưởng, các mối quan tâm và tài năng sử dụng ngôn từ nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh ở văn chính luận.*

**Từ khóa:** diễn ngôn thông tin tư liệu; thể loại; chính luận

## 1. Dẫn nhập

Năm 1995, Lữ Huy Nguyên khi sưu tầm, tuyển chọn, giới thiệu 162 tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh ý nghĩa chức năng, nhiệm vụ của kiểu văn bản chính luận và đưa chúng vào mục “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận” với 8 phần thuộc 8 chủ điểm khác nhau (Ho, 1995, vol.2, p.450). Hai năm sau, năm 1997, ông chất lọc, biên soạn riêng mảng văn chính luận, sắp xếp các tác phẩm theo trật tự thời gian và đặt tên theo cách nhấn mạnh đặc trưng thể loại (Ho, 1995, vol.3, p.256). Trong “Lời giới thiệu” *Tuyển tập văn chính luận Hồ Chí Minh*, Lữ Huy Nguyên chỉ ra tính phong phú, sinh động, phức tạp của bộ phận văn bản được gọi là “văn chính luận”, “văn nghị luận”, “tiểu phẩm” (trong đó có *Bản án chế độ thực dân Pháp*), đồng thời nhấn mạnh sự khác biệt, cao thấp: “Rõ ràng Chủ tịch Hồ Chí Minh phân biệt một tác phẩm tuyên truyền với một tác phẩm văn học (...). Qua những tác phẩm chính luận của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, chúng ta càng thấy rõ hơn sự phân biệt rạch ròi hai thứ ngôn ngữ ấy” (Ho, 2011, vol.1, p.14). Đó là

---

*Cite this article as:* Phạm Thị Như Thúy (2023). Integration of genres and discourses In Nguyen Ai Quoc – Ho Chi Minh’s political literacy works. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(6), 1106-1118.

sự so sánh, đối sánh về tính mục đích giữa hai dòng “tác phẩm tuyên truyền” với “tác phẩm văn học”, trong khi vấn đề đặt ra là cần tìm hiểu thực chất đặc điểm thể loại của văn chính luận Hồ Chí Minh (sự tích hợp, đan xen phong cách thể loại và khả năng trình diễn các kiểu diễn ngôn “người quan sát”, thông tin tư liệu, luận chiến và trữ tình).

Khi đề cập vấn đề tích hợp thể loại trong văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, không thể không nói tới vấn đề diễn ngôn bởi mỗi thể loại gắn với một loại hình diễn ngôn mang tính đặc thù. Bài viết đề cập 4 loại hình diễn ngôn chính: *diễn ngôn người quan sát, diễn ngôn thông tin tư liệu, diễn ngôn luận chiến, diễn ngôn trữ tình*. Sự lựa chọn cách trình bày này giúp tác giả tránh được việc nhắc đến tên những thể loại khác nhau khi nói đến một đối tượng đã được mặc định bằng tên gọi: văn chính luận.

## 2. Nội dung

### 2.1. Diễn ngôn “người quan sát”

Tìm hiểu diễn ngôn với ý nghĩa xác định vị thế “người quan sát” trong văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh chính là nhấn mạnh vai trò chủ thể tác giả từ nhiều hệ quy chiếu, nhiều điểm nhìn khác nhau. Trên bình diện sáng tác, vấn đề “tác gia văn học” đương nhiên phải được đặt trong tương quan giai đoạn, thời gian lịch sử cụ thể và các mối quan hệ, tương quan giữa đặc điểm người sáng tác và văn bản tác phẩm chính luận.

Có thể thấy khá rõ văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc giai đoạn trước 1941 thường trung tính, chủ thể ẩn, thiên về thông tin sự kiện, sự vụ, tin tức; chiếm tỉ lệ cao là lời văn chức năng hành chính, nghị luận, báo cáo qua các nhan đề kiểu như chỉ ngắn gọn có địa danh: *Đông Dương (La Revue Communiste, số 14, tháng 4/1921)* (Ho, 2011, vol.1, pp.39-40), *(La Revue Communiste, số 15, tháng 5/1921)* (Ho, 2011, vol.1, pp.45-48), *(La Revue Communiste, số 15, tháng 5/1921)* (Ho, 2011, vol.1, pp.49-50), *(Yi Chê Pao - Thiên Tân, Trung Quốc, ngày 20/9/1919)* (Ho, 2011, vol.1, pp.367-458), có khi nói rộng thêm chữ nhưng vẫn không soi sáng thêm sắc thái tình cảm, vị thế, vai trò chủ thể: *Ở Đông Dương (L'Humanité, ra ngày 4/11/1920)* (Ho, 2011, vol.1, pp.27-28), *Vụ âm mưu ở Đông Dương (Năm 1921)* (Ho, 2011, vol.1, pp.51-54), *Phòng kiểm duyệt ở Đông Dương (L'Humanité, ngày 28/9/1922)* (Ho, 2011, vol.1, p.127), *Diễn đàn Đông Dương (Le Paria, số 15, tháng 6/1923)* (Ho, 2011, vol.1, pp.204-205), *Tệ độc đoán ở Đông Dương - Người được bảo hộ và người đi bảo hộ (Le Paria, số 16, tháng 7/1923)* (Ho, 2011, vol.1, pp.215-216). Bước sang giai đoạn từ 1941, diễn ngôn “người quan sát” ngay trong nhan đề văn chính luận Hồ Chí Minh cũng chuyển hóa dần sang tiếng nói in đậm sắc thái trữ tình, biểu cảm thái độ, tương tác quan hệ vai trò chủ thể tác giả với địa danh và đối tượng giao tiếp: *Gửi anh em văn hóa và trí thức Nam Bộ (Ngày 25/5/1947)* (Ho, 2011, vol.5, p.157), *Thư gửi đồng bào, chiến sĩ và cán bộ huyện Tiên Lãng (Ngày 29/9/1953)* (Ho, 2011, vol.8, p.303), *(Bài nói chuyện với những cán bộ, đảng viên ở Nghệ An hoạt động lâu năm (Ngày 9/12/1961)* (Ho, 2011, vol.8, pp.271-278), *Bài nói chuyện với đồng bào và cán bộ tỉnh Quảng Ninh (Nhân dân, số 3961, ra ngày 5/2/1965)* (Ho, 2011, vol.14, pp.474-479).

Bước sang giai đoạn từ 1941, diễn ngôn chủ thể tác giả và người quan sát trong văn chính luận của Hồ Chí Minh cũng trở nên rộng mở, đa phương, đa diện, phong phú, sinh động hơn nhiều. Bên cạnh các hoạt động đối ngoại với cương vị chính khách, Chủ tịch Đảng, Chủ tịch Nước, trên thực tế, Hồ Chí Minh đã chú ý chuyển hóa nhiều mối quan hệ ngoại giao quốc tế thành quan hệ gia đình, thân tộc, bằng hữu, anh em, bạn bè, bác cháu, thường xưng danh rõ tên Hồ Chí Minh và xưng “Bác”. Chẳng hạn, Hồ Chí Minh chia ngôi một cách đồng cảm, ân tình, thăm thiết “tôi - bạn”, “Các bạn của tôi”, “Các con của tôi”, “Bác Hồ gửi những cái hôn” khi viết *Thư gửi hàng binh Âu Phi trước khi hồi hương*: “Các bạn của tôi. Các bạn bằng lòng về việc này phải không? Bằng lòng vì được chấm dứt vai trò không vinh quang gì là phục vụ chủ nghĩa thực dân Pháp chống lại nhân dân Việt Nam. Bằng lòng vì được trở lại quê hương, với cha mẹ, vợ con và những người thân của các bạn. Trong những ngày ở với chúng tôi, chúng tôi đã bảo đảm những nhu cầu vật chất với khả năng có thể được. Nếu có gì chưa đáp ứng được thì lỗi đó thuộc về bọn thực dân Pháp tìm mọi cách làm trở ngại chúng ta. Các bạn phải miễn thứ cho chúng tôi điều đó. Trước khi lên đường, không được quên các bạn cũ trong đội quân viễn chinh không bao giờ được nhìn lại đất nước và gia đình của họ. Nghĩ đến họ và nói những gì họ đã phải làm. Trong chuyến đi các bạn hãy giữ kỉ luật nghiêm chỉnh, khi người ta nói về các bạn:

Họ là những thanh niên ưu tú” và người ta giữ lại những kỉ niệm tốt đẹp lâu dài về các bạn. Khi trở về nhà, các bạn đem lời chào của nhân dân Việt Nam đến gia đình các bạn. Trong số các bạn thể nào chẳng có những người có cha mẹ già và con nhỏ. Các bạn hãy nói với họ: Bác Hồ gửi những cái hôn thăm thiết. Vĩnh biệt các bạn thân mến, các con của tôi! Tôi chúc tất cả: Lên đường bình yên và sức khỏe tốt. (Đầu năm 1951) (Ho, 2011, vol.7, pp.6-7).

Trong bài *Phát biểu trong buổi tiếp đại biểu các đơn vị anh hùng và chiến sĩ thi đua chống Mĩ, cứu nước*, Hồ Chí Minh xưng là “Bác” với “các cô, các chú”, “các anh hùng” và có cách đáp từ, khuyên nhủ, răn dạy đúng bậc cha chú, riêng có ở Người, không có ở một ai khác: “Các cô, các chú vừa chúc Bác mạnh khỏe. Nếu các cô, các chú làm việc tốt thì Bác càng khỏe hơn. Các cô, các chú được tuyên dương là anh hùng phải nhận rõ rằng vinh dự đó là vinh dự chung của tập thể, chứ không chỉ là của riêng từng người” (*Nhân dân*, số 4660, ra ngày 10/1/1967) (Ho, 2011, vol.15, pp.263-264).

Vốn là người am hiểu các nước thực dân, đế quốc, Người hiểu tường tận ngay các nước chính quốc ấy cũng phân chia ra giai cấp thống trị và người bị trị, kẻ điều hâu theo đuổi chiến tranh và nhân loại yêu chuộng công lí, hòa bình. Chính vì thế mà Người chia ra trong đối tượng gọi là kẻ thù đối lập, gọi tên đất nước kẻ xâm lược kia vẫn có bạn đồng minh, người dân hướng đến tiến bộ xã hội. Nắm rõ tình hình sau khi Mĩ ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam năm trước (1965) thì ngay dịp đầu năm mới năm sau (1966), trên cương vị Chủ tịch nước, Người đã có ngay *Lời chúc đầu năm gửi nhân dân Mĩ* thực sự sâu sắc và được in ngay trên báo *Nhân dân* (Cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Việt Nam):

Nhân dịp năm mới, tôi thân ái chúc nhân dân Mĩ hòa bình, phồn vinh, hạnh phúc. Nhân dân Việt Nam rất tha thiết với hòa bình, nhưng hòa bình thật sự không thể tách khỏi độc lập thật

sự. Vì đế quốc Mĩ xâm lược Việt Nam, cho nên nhân dân Việt Nam phải chống lại để bảo vệ độc lập và gìn giữ hòa bình. Nhà cầm quyền Mĩ nói hòa bình nhưng thật sự là họ đang tăng cường chiến tranh. Chỉ cần đế quốc Mĩ chấm dứt xâm lược, chấm dứt mọi hành động chiến tranh chống lại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, rút quân đội Mĩ ra khỏi miền Nam Việt Nam, để nhân dân Việt Nam giải quyết lấy công việc của mình như Hiệp định Giơnevơ 1954 đã quy định, thì tức khắc có hòa bình ở Việt Nam. Nhân dân Việt Nam rất quý trọng tình hữu nghị với nhân dân Mĩ vĩ đại đang tiếp tục những truyền thống của Hoa Thịnh Đốn và Lincôn đấu tranh cho độc lập dân tộc và dân chủ. Tôi nhiệt liệt hoan nghênh và cảm ơn nhân dân Mĩ đã đấu tranh đòi Chính phủ Mĩ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam. Các bạn làm như vậy cũng là để cho tính mạng của nhiều thanh niên Mĩ khỏi phải bị hi sinh vô ích trong cuộc chiến tranh phi nghĩa chống lại nước Việt Nam ở cách xa nước Mĩ hàng vạn dặm. Chúc nhân dân Mĩ đạt nhiều thắng lợi mới trong sự nghiệp đấu tranh cho dân chủ, hòa bình và hạnh phúc. (Ho, 2011, vol.15, p.3).

Định hướng minh triết tuyên truyền này được Người xác định sáng rõ, nhất quán trong bài *Mặt trận số 2 chống đế quốc Mĩ* (kí tên Chiến Sĩ, in báo *Nhân dân*, ngày 19/8/1966):

Mặt trận số 1 chống đế quốc Mĩ là Việt Nam. Mặt trận số 2 ở ngay tại nước Mĩ. Ở nước Mĩ có 20 triệu dân Mĩ da đen. Họ bị áp bức, bóc lột, khinh rẻ như người nô lệ (...). Một điều quan trọng nữa là người Mĩ da đen đã kết hợp việc chống “phân biệt chủng tộc” với việc chống chiến tranh xâm lược Việt Nam. Phong trào dân Mĩ da trắng chống chiến tranh cũng ngày càng sôi nổi (...). Ở Nữ Ước có hơn 26.000 người biểu tình. Ở Lốt Angiơlét hơn một vạn người biểu tình, rồi một đám quần chúng đã quyết định tiếp tục biểu tình 18 ngày ở trước nhà máy làm bom Napan. Hai phong trào đó kết hợp với nhau thành một lực lượng rất to lớn, thành Mặt trận số 2 chống đế quốc Mĩ. Báo *Luận đàm Nữ Ước* đã thờ than rằng: Mĩ đang “cung trân với hai cuộc chiến tranh dữ dội, một cuộc ở nước Mĩ, một cuộc ở Việt Nam”. Bị giáp công trên hai mặt trận, đế quốc Mĩ nhất định thua, nhân dân Mĩ và nhân dân Việt Nam nhất định thắng. (Ho, 2011, vol.15, pp.149-151).

Ở đây có thể thấy được Hồ Chí Minh đã nhìn nhận kẻ thù “xâm lược Mĩ” không phải bao gồm cả quần chúng nhân dân lương thiện (đặc biệt thành phần người lao động da đen) để phân hóa lực lượng ngay tại sào huyệt nước Mĩ, vừa thức tỉnh nhân dân Mĩ để họ lên tiếng đấu tranh với Chính phủ Mĩ và ủng hộ nhân dân Việt Nam chính nghĩa. Hiểu tầm cao minh triết Hồ Chí Minh mới có thể giải thích vì sao lời văn gửi nhân dân ở quốc gia đi xâm lược lại ân tình, giàu cảm thông, giàu lời khuyên nhủ, mong muốn, chúc mừng nhiều đến thế.

Từ nhận thức trên có thể soi chiếu vào văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh để hiểu góc độ chủ thể “người quan sát”, khi là tiếng nói vô nhân xưng đại diện cho cộng đồng, quốc gia, dân tộc, khi đại diện cho giai cấp những người cùng khổ; có khi ở cương vị Chủ tịch nước và tổ chức chính đảng, có khi là ngôn ngữ nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao, có khi kết hợp ngôn ngữ đồng chí, bạn bè, gia đình, bác cháu.

## **2.2. Dẫn ngôn thông tin tư liệu**

Trong thể loại văn chính luận, dẫn ngôn thông tin tư liệu có một vai trò đặc biệt quan

trọng bởi đó là “những con số biết nói”. Vào giai đoạn đầu, trong các bài báo chính luận tiếng Pháp, Nguyễn Ái Quốc triệt để vận dụng các phương pháp, thao tác dẫn giải tư liệu và thống kê để đi đến các kết luận cần thiết.

Tập phóng sự điều tra *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925) (Ho, 1997, pp.34-50), của Nguyễn Ái Quốc có 12 chương (Chương 1: *Thuế máu* - Chương 2: *Việc đầu độc người bản xứ* - Chương 3: *Các quan thống đốc* - Chương 4: *Các quan cai trị nước ta* - Chương 5: *Những nhà khai hóa* - Chương 6: *Tệ nạn tham nhũng trong bộ máy cai trị* - Chương 7: *Bóc lột người bản xứ* - Chương 8: *Công lí* - Chương 9: *Chính sách ngu dân, hại nước* - Chương 10: *Chủ nghĩa giáo hội* - Chương 11: *Nỗi khổ nhục của người phụ nữ bản xứ* - Chương 12: *Nô lệ thức tỉnh*, và phần Phụ lục: *Gửi thanh niên Việt Nam*) (Ho, 2011, vol.2, pp.23-144). Có thể thấy ở chương nào cũng đậm đặc các con số, những thống kê về số lượng rượu, số tiêm thuốc phiện, địa chỉ lính thuộc địa chết trận, số phu dịch, số thuế, số chi tiêu ngân sách, số thuế thân, số tiền phạt, số vụ đàn áp, số vụ tàn sát, số vụ đánh đập, số vụ tù tội, số vụ nổi dậy, số “nô lệ thức tỉnh”. Chẳng hạn:

Đây là một sự kiện đầy ý nghĩa của một viên chức đứng đầu tỉnh Sơn Tây, một tỉnh ở Bắc Kỳ. Số dân tỉnh này ước tính chỉ độ 200.000 người. Nhưng để nâng số lượng rượu phải tiêu thụ lên, số dân ấy bỗng nhiên tăng vọt nhanh như chớp tới 230.000 người. Nhưng vì 230.000 dân này uống quá ít, viên Công sứ Sơn Tây đã gia công một năm đầy số lượng rượu tiêu thụ lên 560.000 lít. Ngay lập tức, viên công sứ được thăng cấp và được khen.” (Ho, 2011, vol.2, p.42)

Ở tỉnh Quảng Trị, một viên cai lục lộ người Pháp say rượu đã “hạ” một người bản xứ ngồi trên lưng voi, chỉ vì tội không nghe rõ hay là không hiểu lệnh của hắn. Một viên Tây đoan ở Bà Rịa (Nam Kỳ) cũng say rượu, phang một gậy trúng lá lách một thủy thủ An Nam thuộc quyền hắn, làm cho anh ta chết tươi. Một viên thầu khoán người Pháp giết một lính khổ xanh ở Đà Lạt. (Ho, 2011, vol.2, pp.66-67)

Trước chiến tranh, ở Máctinich, giá đường là 280 phrăng một tấn, rượu rơm 35 phrăng một trăm lít. Nay giá đường 3.000 phrăng, rượu rơm 400 phrăng. Như thế bọn chủ được lời 1.000%. Trước chiến tranh, lương công nhân mỗi ngày 3 phrăng, nay từ 3 phrăng 75 đến 4 phrăng. Như thế tiền lương công nhân tăng chưa đầy 30%. Giá sinh hoạt thì lại tăng lên ít nhất 300%. Nếu cộng thêm sự giảm sút sức mua của đồng phrăng vào sự chênh lệch ghê gớm nói trên thì các bạn sẽ thấy đời sống của người công nhân bản xứ cùng cực đến thế nào. (Ho, 2011, vol.2, pp.116-117)

“Hiện nay, Trường đại học Phương Đông có 1.025 sinh viên mà 151 là nữ sinh. Trong số sinh viên đó, có 895 người là đảng viên cộng sản. Thành phần xã hội của sinh viên như sau: 547 nông dân, 265 công nhân, 210 trí thức. Ngoài ra còn có 75 học sinh thiếu niên từ 10 đến 16 tuổi.” (Ho, 2011, vol.2, p.130). Điều này giúp cho các nhận xét, kết luận trở nên minh xác, rõ ràng; từ đó đi đến các nhận định, kết luận, phản ứng, phê phán trở nên sắc sảo, không thể chối cãi; cuối cùng là lời luận tội, kết tội kẻ thù và đi đến lời kêu gọi thức tỉnh, lay động trái tim người đọc.

Trong suốt các chặng đường hoạt động sau này, Hồ Chí Minh khi viết văn chính luận vẫn luôn đề cao diễn ngôn thông tin tư liệu, xác định từ số máy bay Mỹ bị bắn rơi đến số nhà máy, xí nghiệp, số cây trồng, con người, địa chỉ, thời gian, sự việc cụ thể. Có thể nói tư duy con số, tư duy định lượng đã trở thành một kỹ năng phản ánh hiện thực trong văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, khiến cho văn chính luận giàu chất kí sự, phóng sự và cũng là những sự kiện, con số mang tính lịch sử, không thể phản bác, chối cãi. Như vậy, đặc điểm diễn ngôn thông tin tư liệu gắn với các minh chứng, chứng cứ trong thể văn chính luận vừa có ý nghĩa tuyên truyền xác đáng vừa là những kí ức, biên niên lịch sử về chế độ thuộc địa thuộc nhiều dân tộc ở một giai đoạn, một thời đại, có tính quy luật, phổ biến và không thể chối cãi.

### 2.3. *Diễn ngôn luận chiến*

Diễn ngôn luận chiến trong văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh chủ yếu được thực hiện khi đối diện với kẻ địch, với cái sai, cái xấu. Có thể tìm thấy rất nhiều dẫn chứng cụ thể sinh động về cách sử dụng ngôn từ sâu cay, mạnh mẽ, quyết liệt trong việc đả kích quân xâm lược và mọi loại kẻ thù cũng như nhắc nhở, góp ý, phê phán những việc làm chưa tốt.

Có thể thấy một sự phù hợp, tương hợp rất cao giữa cách đặt nhan đề và cách viết, nghệ thuật viết với mục đích, mục tiêu, đối tượng, chủ đề, nội dung trong văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh. Hầu như chỉ cần đọc qua nhan đề là đã cảm nhận thấy ý hướng, chiều hướng, định hướng, thái độ của chủ thể. Ở các tác phẩm được viết trong giai đoạn trước 1941, ta thường gặp các nhan đề thể hiện khẩu khí quyết liệt, phù hợp với nội dung vạch trần, phê phán chế độ thực dân và tố cáo những bất công. Đó là cụm bài liên quan đến Tô quốc An Nam bị đô hộ (*Cảnh sinh hoạt của thợ thuyền An Nam, Phụ nữ An Nam và sự đô hộ của Pháp, Bản án chế độ thực dân Pháp* (1922); *Tình cảnh nông dân An Nam, 51.000 người An Nam bị đế quốc Pháp động viên đi là bia đỡ đạn* (1924); là cảnh tình chung của người dân xứ Đông Dương: *Những kẻ bại trận ở Đông Dương, Vụ âm mưu ở Đông Dương* (1921), *Tệ độc đoán ở Đông Dương - Người được bảo hộ và người đi bảo hộ* (1923); là nỗi thống khổ của các dân tộc dưới chế độ thực dân ở khắp mọi nơi trên thế giới: *Tội ác của chủ nghĩa thực dân* (1921), *Vực thăm thuộc địa, Chủ nghĩa quân phiệt thực dân* (1923), *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925). Ở các tác phẩm được viết trong giai đoạn từ 1941 về sau, các nhan đề thường chỉ đích danh từng sự việc, hiện tượng, nhân vật cụ thể và bày tỏ thái độ trực diện, quyết liệt: *Đế quốc Mỹ tội ác tày trời* (1962); *Thủ đoạn tội ác của đế quốc Mỹ* (1964); *Đế quốc Mỹ rút đi, Đại bọm Giônxon miệng nói “hòa bình” tay vung “binh hỏa”* (1965); *Kiên quyết đập tan âm mưu giặc Mỹ, Tổng Giôn đã phạm tội ác tày trời, Tội ác Mỹ tàn bạo hơn Hitle* (1966)...; *(Đại) bại tướng Vét mờ lộn đã rút về nước mẹ Hoa Kỳ, Tổng Giôn và việc giết chết Nghị sĩ R. Kennodi* (1968)... Lê Thu Hà trong bài viết *Vận dụng nghệ thuật ngôn ngữ báo chí Hồ Chí Minh trong sáng tạo tác phẩm* đã đi sâu phân tích cách dùng từ trong văn chính luận của Hồ Chí Minh:

Để vạch trần bản chất quân xâm lược và các chiêu trò bịp bợm quan thầy đế quốc, Người gọi chúng là kẻ “bịp”, “bợm”, “bịp bợm”, “Bịp” là để chỉ hành động xấu xa, lừa đảo. “bợm” chỉ những kẻ vô lương, chuyên đi lừa gạt. Kết hợp với nhau, chúng tạo ra một từ có nét nghĩa tục để chỉ bản chất lừa đảo, dối trá, vô lương của đế quốc: “Đó là một trò hề bịp bợm”; “Đó chỉ là một âm mưu tuyên truyền bịp bợm”. Với thán từ “Ô hô”, Người diễn tả thái độ cười cợt, khinh bỉ. Nó có thể được đặt ở đầu câu: “Ô hô, “văn minh” đế quốc!”, và cũng có thể đặt ở cuối câu: “Những việc đó đã tỏ bày, Chủ nghĩa đế quốc gần ngày “ô hô”. (Le, 2019, pp.1-11)

Khi phê phán những tiêu cực trong cộng đồng xã hội ta, nhân dân ta, Người cũng sử dụng vốn từ thuần Việt một cách sắc nét, uyển chuyển. Về khuyết điểm của cán bộ tuyên truyền, Người chỉ ra “có một số đồng chí khác chỉ bo bo giữ lấy những kinh nghiệm lẻ tẻ”. Tinh báo của ta hoạt động kém, Người chỉ ra nguyên nhân, vì “bô lô ba la, bạ gì nói nấy”. Về nạn lãng phí, tham ô, Người viết trong bài *Không để một khe hở* một cách sâu sắc, rành mạch: “Của cải dành dụm của chúng ta không những rơi vãi một phần vào cái hố lãng phí, mà còn bị tham ô đục khoét mất một phần khác. Stalin đã có lần ví bọn tham ô như những con lợn sục vào vườn rau của Nhà nước và ngoạm lấy ngoạm để một cách trơ trẽn. Đó là thứ cặn bã còn sót lại của xã hội cũ - cái xã hội thối nát.” (*Nhân dân*, số 2155, ra ngày 11/2/1960) (Ho, 2011, vol.12, pp.468-469). Về việc chống lãng phí, Người đưa ra con số cụ thể, bày tỏ rõ thái độ và cách khắc phục, biện pháp, hi vọng:

Muốn xây dựng những tiến bộ mới trong nền kinh tế ta thì phải chống những cái cũ kĩ và lạc hậu. Ví dụ: Chống lãng phí sức người. Như ở công trường “8-3” trước đây trong số 2.700 người mà có đến 603 người ở bộ máy quản lí không trực tiếp sản xuất. Thế là cứ độ 4 người sản xuất thì có 1 người quản lí! (...). Biết rõ những khuyết điểm đó, chắc rằng cán bộ và công nhân ta sẽ rất đau lòng. Họ sẽ ra sức thực hiện tốt cuộc “Ba xây, ba chống” để sửa chữa những khuyết điểm tai hại ấy và để sản xuất tốt hơn. Những nơi thí điểm “Ba xây, ba chống” đã bước đầu thu được những kết quả tốt và kinh nghiệm tốt. (*Nhân dân*, số 3427, ra ngày 15/8/1963) (Ho, 2011, vol.14, pp.150-152).

Trong trường hợp đặc biệt, Người chỉ rõ khuyết điểm trong công tác tổ chức cơ sở Đảng, chỉ rõ việc làm sai, lấy đó làm bài học kinh nghiệm, có ý nghĩa cảnh báo chung với lời kết thật nhẹ nhàng, nhân văn, mở ra hướng sửa chữa, phấn đấu:

Mấy năm qua, vì chi bộ lãnh đạo kém mà Văn Hải đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước. Năm 1961, chỉ thực hiện được 40%, năm 1962: 70%; năm 1963, Văn Hải nhận bán cho Nhà nước 250 lợn, đến nay mới bán được 30 con. Chi bộ chẳng những không ra sức lãnh đạo quần chúng làm tròn nghĩa vụ, mà còn tệ hơn nữa, là giấu giếm sản lượng để hạ thấp mức lương thực bán cho Nhà nước. Như vụ mùa 1962, hợp tác xã Văn Hải (do bí thư chi bộ kiêm chủ nhiệm) đã giấu bớt 39 tấn thóc! Vì cán bộ và đảng viên không nêu gương mẫu tốt, mà lại nêu gương xấu, cho nên trong thôn đã sinh ra nhiều lãng phí tham ô, nhiều đội sản xuất đã lén lút lập quỹ riêng. Bà con dân làng dùng thóc gạo rất phung phí. Hễ có giỗ tết, cưới xin, là mổ lợn. Động một chút là “liên hoan” và mổ lợn. Chi hội phụ nữ chỉ họp trong 2 giờ (để sơ kết đợt 1 cải tiến quản lí hợp tác xã!) cũng mổ 3 lợn! Thiếu nhi họp xóm, cũng mổ lợn! Có tình trạng như thế là vì nhiều đồng chí cán bộ và đảng viên còn mang nặng chủ nghĩa cá nhân, tự tư tự lợi và chủ nghĩa địa phương, chỉ thấy lợi ích riêng mà không thấy lợi ích chung

của Nhà nước. Phải nhận một cách dứt khoát rằng nhân dân ta rất tốt, đồng bào Văn Hải cũng vậy. Cán bộ, đảng viên và đoàn viên xung phong gương mẫu tốt, thì nhất định nhân dân sẽ hăng hái làm theo. Mong rằng chi bộ Văn Hải sẽ quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm, để trở nên một chi bộ tốt về mọi mặt. (Kí T.L. *Nhân dân*, số 3503, ra ngày 31/10/1963) (Ho, 2011, vol.14, pp.194-195).

Có thể thấy rõ diễn ngôn Hồ Chí Minh ở đây có màu sắc luận chiến nhưng với liều lượng của “những con số biết nói” đủ để cảnh tỉnh, thức tỉnh, phê phán, răn đe.

Đặc sắc diễn ngôn luận chiến trong văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh bao quát từ sự tương hợp giữa nhan đề với chủ đề và quan trọng hơn là lời lẽ, ngôn từ nghệ thuật trong tác phẩm. Có thể khẳng định tiếng nói luận chiến của Hồ Chí Minh thể hiện tính chiến đấu trên cơ sở quan điểm đấu tranh vì tiến bộ xã hội, vì các giá trị nhân văn, vì tính kỉ luật trong tổ chức Đảng, vì lẽ phải, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước phát triển vững mạnh và cuộc sống nhân dân ấm no, hạnh phúc.

#### **2.4. Diễn ngôn trữ tình**

Diễn ngôn trữ tình trong văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh thể hiện các giá trị nhân văn, tình yêu thương con người, niềm lạc quan tin tưởng vào cuộc sống. Diễn ngôn trữ tình có thể là tiếng nói trực tiếp, thể hiện trực diện hoặc là tiếng nói trữ tình ngoại đề, đan xen giữa các sự kiện, lời bình luận. Diễn ngôn trữ tình trong văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh chủ yếu dành cho những người cùng cảnh ngộ, những số phận bị chà đạp, những người cùng chí hướng, đôi khi là những đối tượng làm đường lạc lối.

Vào giai đoạn đầu viết báo, trực tiếp tham gia hoạt động đấu tranh, Nguyễn Ái Quốc đã có bài viết dài bằng tiếng Pháp *Phong trào cách mạng ở Ấn Độ* giới thiệu phong trào cách mạng ở Ấn Độ như một bài học, tấm gương và ý chí giải phóng dân tộc. Ngay từ những dòng mở đầu, Người nhấn mạnh tính thời sự của nhận thức và việc tuyên truyền phong trào cách mạng Ấn Độ: “Các cuộc khởi nghĩa ở Malaba (Chỉ cuộc bạo động của nông dân vùng Tây Nam Ấn Độ vào năm 1920 - thêm) đang được dư luận hết sức chú ý. Đế quốc Anh đang phải chống đỡ khắp nơi. Nhắc lại lịch sử phong trào cách mạng Ấn Độ lúc này là một việc lí thú”; rồi sau khi giới thiệu khái quát lịch sử phong trào, Người đã đi đến kết luận và nhấn mạnh mối liên hệ với thực tại Đông Dương, trong đó có Việt Nam, bằng diễn ngôn trữ tình đầy cảm thông, ân nghĩa:

Trước làn sóng như vậy, lá cờ không bao giờ thấy mặt trời lặn có nguy cơ rơi xuống mặt trăng. Đế quốc Anh không biết xoay sở cách nào. Chúng tưởng rằng kí một hiệp định thương mại với nước Cộng hòa Nga là có thể ngăn chặn tư tưởng cách mạng thâm nhập Ấn Độ, như một tờ giấy thấm hút một giọt mực!. Chúng dùng Côngxăngtinh làm cái chụp để dập tắt lò lửa của phong trào Liên Hồi giáo. Chúng nhật Phayxan lên để chống đỡ tòa nhà đế quốc đang sụp đổ ở phương Đông. Và sau nữa thì sao? Ít ra chúng có thể tự an ủi khi thời hạn rời khỏi Ấn Độ của chúng đã đến, bằng cách tự nhủ rằng chúng đã tàn nhẫn kéo theo sự sụp đổ của đế quốc Pháp, đang hoạt động ở Đông Dương một cách xấu xa. (*La Revue Communiste*, số 18-19,



tháng 8, 9/1921) (Ho, 1995, vol.2, pp.55-60).

Hoàn toàn có thể nhận ra mối liên hệ, liên thông, tương đồng cả về nội dung, cấu trúc và diễn ngôn giọng điệu trữ tình cảm thương, bi thương, sâu lắng giữa văn bản *Phong trào cách mạng ở Ấn Độ* (1921) với các vấn đề đặt ra bốn năm sau trong *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925) của Nguyễn Ái Quốc. Điều quan trọng nhất là Người đã chiêm nghiệm “bài tập mẫu” từ phong trào cách mạng Ấn Độ và nhấn mạnh hình ảnh của hai đất nước cùng cảnh ngộ, cùng đặt ra mục tiêu chống thực dân hóa, cùng quyết tâm đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Điều đặc biệt, giữa cuộc kháng chiến chống Mĩ khốc liệt, Hồ Chí Minh vẫn cất cao tiếng nói chính nghĩa và ngọn cờ nhân văn, có nhiều trang viết gửi các tầng lớp nhân dân tiến bộ Mĩ. Đại diện cho dân tộc bị xâm lược và chiến tranh tàn phá nhưng Người lại luôn thể hiện tầm cao trí tuệ và sự bao dung, nhấn mạnh các giá trị nhân văn, tình người, tình thương yêu đồng loại và tiếng nói trữ tình sâu lắng, đi sâu vào lòng người. Đó là diễn ngôn trữ tình thức tỉnh nỗi đau của những người phụ nữ Mĩ có chồng, con chết trận trong *Gửi chị em phụ nữ Hoa Kỳ*: “Thưa các chị em, chắc các chị em cũng nhớ rằng nhân dân Việt Nam đã đánh đuổi thực dân Pháp, thì nhân dân Việt Nam sẽ đánh đuổi được thực dân Mĩ. Song nếu không chấm dứt ngay chiến tranh, thì nhân dân Mĩ, trước hết là chị em phụ nữ Mĩ, cũng sẽ bị thêm gánh nặng đau thương vì mất chồng, mất con!” (1964) (Ho, 2011, vol.14, p.261), diễn ngôn tạo nên tiếng nói hiểu biết, chia sẻ, cảm thông và niềm tin vào tương lai tươi sáng trong *Thư gửi các bạn học sinh Mĩ*:

Mặc dù Chính phủ Mĩ đã và đang phạm nhiều tội ác đối với nhân dân Việt Nam, chúng tôi không hề lẫn lộn chúng với nhân dân Mĩ yêu chuộng hòa bình và chính nghĩa mà chúng tôi vẫn kính trọng. Với sự phấn đấu bền bỉ của nhân dân Mĩ, nhất là thanh niên học sinh Mĩ, kết hợp với sự đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt Nam, tôi chắc rằng phản động Mĩ sẽ thua, nhân dân hai nước chúng ta sẽ thắng. Lúc đó nhân dân Việt Nam và nhân dân Hoa Kỳ sẽ bắt chặt tay nhau trong hòa bình và hữu nghị. Chúc các bạn cố gắng và giành được nhiều thành tích. (1964) (Ho, 2011, vol.14, pp.375-376)

Diễn ngôn khơi gợi lòng tự trọng, đức hi sinh vì lẽ phải và sự xúc động, tình cảm ân nghĩa của chính dân tộc Việt Nam với lương tâm người Mĩ đã thức tỉnh trong *Thư trả lời Giáo sư Mĩ Lamót Pôlinh*:

Nhân dân chúng tôi đánh giá cao những cuộc đấu tranh ấy của nhân dân Mĩ và rất xúc động trước những tấm gương anh dũng hi sinh của bà cụ Henga Hécđơ cũng như của các chiến sĩ hòa bình Noman Morixơn, Rôgiơ Lapotơ và chị Xilin Giancaoxki gần đây. Nhân dịp này, tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn nhân dân Mĩ đang kiên quyết đấu tranh đòi Chính phủ Mĩ chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và xin gửi đến gia đình các liệt sĩ tấm lòng thương yêu, cảm phục của nhân dân Việt Nam chúng tôi. (1965) (Ho, 2011, vol.14, p.663)

Diễn ngôn khơi gợi niềm trắc ẩn khi gây chiến với Việt Nam cũng như phản tỉnh nhận ra sự phi nghĩa và nỗi đau của chính người dân Mĩ khi bị lừa dối, dẫn dắt, xô đẩy vào cái chết vô nghĩa trong *Điện gửi các bạn người Mĩ nhân dịp năm mới 1968*: “Chính phủ Mĩ đã buộc hàng chục vạn thanh niên Mĩ phải chết và bị thương vô ích trên chiến trường Việt Nam. Chính phủ Mĩ xài phí về chiến tranh ở Việt Nam mỗi năm hàng chục tỉ đôla tiền mồ hôi nước mắt của nhân dân Mĩ. Nói tóm lại, bọn xâm lược Mĩ chẳng những phạm tội ác đối với Việt Nam mà còn làm chết người, hại của và bôi nhọ danh dự của nước Mĩ.” (1967) (Ho, 2011, vol.15, p.414)...

Trước đối tượng tiếp nhận là đồng bào các dân tộc thiểu số, Hồ Chí Minh có cách diễn đạt hòa đồng, chân tình, giàu hình ảnh. Sau kháng chiến 9 năm chống Pháp, bước sang thời kì hòa bình ở miền Bắc, Người vẫn thường xuyên quan tâm đến vùng chiến khu cách mạng và đồng bào dân tộc thiểu số với các bài viết tiêu biểu: *Thư gửi đồng bào Khu tự trị Thái - Mèo nhân dịp kỉ niệm một năm thành lập Khu tự trị (Nhân dân, số 796, ngày 9/5/1956); Thư gửi đồng bào Khu tự trị Việt Bắc (Nhân dân, số 889, ngày 10/8/1956); Thư gửi cụ Vi Văn Đảng, xã Kim Đa, huyện Tương Dương, Nghệ An (Ngày 11 tháng 3 năm 1957. Tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh); Thư gửi đồng bào, bộ đội và cán bộ ở Tây Bắc (Nhân dân, số 1490, ngày 10/4/1958); Nói chuyện với cán bộ và đại biểu nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai (Nói ngày 24/8/1958. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng); Nói chuyện với đồng bào tỉnh Yên Bái (Nói ngày 25/9/1958. Báo Yên Bái, số 240, ngày 10/10/1958). Trong số các tác phẩm trên, có thể xác định *Nói chuyện với cán bộ và đại biểu nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai* có ý nghĩa như một văn kiện chính luận trữ tình xuất sắc, bao quát nhiều vấn đề, nhiều nội dung và đặc biệt sát hợp với tỉnh Lào Cai và địa bàn vùng núi cao phía Bắc. Sau những lời thăm hỏi ân tình, Người nhấn mạnh các vấn đề nổi cộm “Đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc”, “Tăng gia sản xuất”, “Trật tự, trị an”, từ đó nhấn mạnh vấn đề thứ tư có ý nghĩa thực trạng đặc thù cần đặc biệt quan tâm:*

4. Xây dựng thuần phong, mỹ tục: Các cô, các chú có hiểu thuần phong, mỹ tục không? vì phong tục cũ, vì hoàn cảnh lạc hậu có nơi còn giữ mê tín, hại vệ sinh, hại sức khỏe và có nơi còn hại đến việc sống còn của dân tộc. Ví như đám ma để xác chết trong nhà lâu, mời thầy cúng về cúng mấy ngày rồi mới đem chôn. Thế là hại vệ sinh. Về cưới hỏi: Có nơi bé tí tẹo đã lấy vợ, lấy chồng, làm mâm cỗ thật nhiều. Phải bán trâu, bán ruộng để ăn bữa bái hai ba bữa rồi sau hai đứa con phải trả nợ mãi không hết. Thế là không tốt. Phải giáo dục để sửa dần dần các phong tục, tập quán không lành mạnh, phải giải thích để nhân dân tự nguyện, tự giác bỏ phong tục xấu, tuyệt đối không dùng quan liêu cường bức, mệnh lệnh. Có nơi còn uống rượu lu bù, cờ bạc. Đồng bào trên này còn có người hút thuốc phiện, hại đồng bào mà còn hại cả dân tộc. (Ho, 2011, vol.11, pp.521-522)

Sau khi phân tích thực trạng và đặt tình hình Lào Cai trong bối cảnh chung các tỉnh vùng biên giới phía bắc cũng như nhiệm vụ chung của miền Bắc và cả nước, Người đề ra các nhiệm vụ, biện pháp, giải pháp cụ thể và đi đến khẳng định niềm tin: “Đảng và Chính phủ rất mong cán bộ, bộ đội, đồng bào tỉnh nhà cố gắng thi đua, làm cho nhân dân trong tỉnh

ngày càng sung sướng, đầy đủ hơn, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội.” (Ho, 2011, vol.11, p.527). Có thể thấy diễn ngôn chính luận trữ tình trong bài nói chuyện này khác biệt căn bản về lập luận, lời lẽ quyết liệt với kẻ thù xâm lược, lại cũng có khác với đối tượng cán bộ, nhân dân vùng thành thị, miền xuôi. Chính bởi đối tượng là cán bộ, nhân dân vùng cao Lào Cai mà Người nhấn mạnh thực trạng, xoáy sâu vào vấn đề “Xây dựng thuần phong, mỹ tục” và dẫn dắt bằng cách nói nhẹ nhàng, giàu tình người, hợp tình hợp lý và phù hợp trình độ quần chúng, dễ đi vào lòng người.

Như vậy, diễn ngôn trữ tình đã trở thành phẩm chất và một thành phần ngôn từ nghệ thuật trong mỗi tác phẩm văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh. Tùy thuộc vào từng đối tượng mà Người biểu thị những mức độ tiếng nói trữ tình khác nhau, trước sau nhằm thức tỉnh lương tri con người, phân hóa lực lượng và tranh thủ sự đồng tình của lớp người yêu chuộng hòa bình. Sau này, tiếng nói trữ tình âm áp tạo nên phong cách diễn ngôn trữ tình trong văn chính luận Hồ Chí Minh càng thể hiện sâu sắc trong các bức thư gửi đồng chí, đồng bào, các phụ lão, các cháu thiếu niên, nhi đồng, thư chúc tết hàng năm, kể cả *Di chúc*.

### 3. Kết luận

Xét trong toàn bộ các tác phẩm chính luận của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh có thể khẳng định tính tương hợp giữa ngôn từ nghệ thuật với hệ thống chủ đề, thể hiện từ nội dung biểu cảm của nhan đề cũng như sắc thái ngôn ngữ văn bản. Điều đó thể hiện cả ở tầm cao tư tưởng cũng như sự phong phú các mối quan tâm, sự đa dạng của các chủ đề và tài năng sử dụng ngôn từ nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh ở văn chính luận, cũng như suốt thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh hoạt động cách mạng, văn chính luận đã gắn bó mật thiết với cuộc đời của Người tới mức đời sống của văn thực chất là đời sống con người cách mạng của Người. Người cho rằng văn chương trong thời đại cách mạng phải xem quảng đại quần chúng là đối tượng phục vụ. Có thể thấy rõ, Người quan tâm đến quảng đại quần chúng vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Trong các hoạt động giao tiếp, mối quan hệ giữa Hồ Chí Minh với khách thể là quan hệ mở, bao quát nhiều cấp độ, thể hiện tính phong phú, sinh động từ vị thế chủ thể “người quan sát”; việc nắm bắt, chọn lọc thông tin rộng khắp, nhanh nhạy, giàu tính thời sự; trình độ tư duy lí luận và giọng điệu trữ tình phù hợp theo từng đối tượng cụ thể. Đặc điểm nổi bật ở đây là hệ thống thủ pháp nghệ thuật trùng điệp, tu từ ở nhiều cấp độ (nhan đề, chữ, câu, bài, cụm bài, cụm đề tài...), khả năng sáng tạo của các hình thức ngôn từ mang tính nội dung (kết hợp ghép mảnh, chơi chữ và phản vấn, sử dụng các từ ngữ giàu hình ảnh, các phương thức ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa...). Đây cũng là cơ sở làm nên giọng điệu văn chính luận tuyên truyền của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh với đặc thù là nghị luận các vấn đề chính trị xã hội, khả năng đặt vấn đề, vận dụng linh hoạt các kiểu câu khác nhau (câu đơn, câu ghép, câu cảm thán, phản vấn), tạo sức mạnh thuyết phục cho đối tượng tiếp nhận.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ho Chi Minh (1995). *Toan tap*, Tap 2 [*Selected Literary Works*, vol. 2], *Culture and Art as a Front* (selected by Lu, H. N.). Hanoi: Literature Publishing House.
- Ho Chi Minh (1995). *Toan tap*, Tap 3 [*Selected Literary Works*, vol. 3], *Poetry* (collected and selected by Lu, H. N.). Hanoi: Literature Publishing House.
- Ho Chi Minh (1997). *Tuyen tap van hoc chinh tri Ho Chi Minh [Ho Chi Minh's Selected Political Literary Works]* (selected by Lu, H. N.). Hanoi: Education Publishing House.
- Ho Chi Minh (2011). *Toan tap*, Tap 1 [*Complete Works*, vol. 1] (Truong, T. S. Chairman of the Publishing Board). Hanoi: National Political Publishing House – Truth.
- Ho Chi Minh (2011). *Toan tap*, Tap 2 [*Complete Works*, vol. 2] (Truong, T. S. Chairman of the Publishing Board). Hanoi: National Political Publishing House – Truth.
- Ho Chi Minh (2011). *Toan tap*, Tap 3 [*Complete Works*, vol. 3] (Truong, T. S. Chairman of the Publishing Board). Hanoi: National Political Publishing House – Truth.
- Ho Chi Minh (2011). *Toan tap*, Tap 5 [*Complete Works*, vol. 5] (Truong, T. S. Chairman of the Publishing Board). Hanoi: National Political Publishing House – Truth.
- Ho Chi Minh (2011). *Toan tap*, Tap 7 [*Complete Works*, vol. 7] (Truong, T. S. Chairman of the Publishing Board). Hanoi: National Political Publishing House – Truth.
- Ho Chi Minh (2011). *Toan tap*, Tap 11 [*Complete Works*, vol. 11] (Truong, T. S. Chairman of the Publishing Board). Hanoi: National Political Publishing House – Truth.
- Ho Chi Minh (2011). *Toan tap*, Tap 12 [*Complete Works*, vol. 12] (Truong, T. S. Chairman of the Publishing Board). Hanoi: National Political Publishing House – Truth.
- Ho Chi Minh (2011). *Toan tap*, Tap 14 [*Complete Works*, vol. 14] (Truong, T. S. Chairman of the Publishing Board). Hanoi: National Political Publishing House – Truth.
- Ho Chi Minh (2011). *Toan tap*, Tap 15 [*Complete Works*, vol.15] (Truong, T. S. of the Publishing Board). Hanoi: National Political Publishing House – Truth.
- Le, T. H. (2019). Van dung nghe thuat ngon ngu bao chi Ho Chi Minh trong sang tao tac pham [Applying Ho Chi Minh's Art of Press Language in Creating Works]. *Nguoilambao.vn*. Theory and Practice. 11/25.

**INTEGRATION OF GENRES AND DISCOURSES IN NGUYEN AI QUOC – HO CHI MINH’S  
POLITICAL LITERACY WORKS**

*Phạm Thị Như Thúy*

*Department of Publicity and Education, Ho Chi Minh City Committee, Vietnam*

*Corresponding author: Phạm Thị Như Thúy – Email: thuyphu7768@gmail.com*

*Received: March 22, 2023; Revised: June 05, 2023; Accepted: June 19, 2023*

**ABSTRACT**

*The article focuses on identifying Nguyen Ai Quoc – Ho Chi Minh’s political literacy works as regards the genres and discourses of political literature, criticism, and administration with non-fiction functions during the mid-20th century and the process of modernization in the 21<sup>st</sup> century. Under the influences of national, traditional culture, literature and the French, Nguyen Ai Quoc – Ho Chi Minh laid the foundation of political literacy works which reflected the revolutionary struggle in political literature from the West to Vietnam, from the national liberation movement in the world to apply creatively in the struggle for national defense and construction. Also, the integration is explicitly shown in his distinctive literacy wording, a wide range of well-established political themes, expressive headings, and various text contents. This integration characterizes Nguyen Ai Quoc – Ho Chi Minh’s ideology, interests, and talent in using artistic language in his collection of political literacy works.*

**Keywords:** documentary discourse; genre; political literacy works